TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2024
V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Sơn Nhựt Nhân

Ngày 22 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 49/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2023, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/4/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp Bình Th 3, xã Thạnh Tr, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Hồng Nh, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp Tân Thành T, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

- *Con chung:* Cháu Phạm Phương Ngh, sinh ngày 04/5/2014.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 9 năm 2023 nguyên đơn ông Phạm Văn Đ trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân, năm 2013 ông và bà Nh tự nguyện kết hôn với nhau, đến ngày 02/5/2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Thạnh Tr, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre. Quá trình sống chung do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, dần dần không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên từ năm 2018 đến nay ông và bà Nhung không còn sống chung với nhau.

Về con chung, ông và bà Nh có một con chung tên Phạm Phương Ngh, sinh ngày 04/5/2014 hiện cháu sinh sống chung bà Nh nên ông đồng ý giao con

chung cho bà Nh tiếp tục nuôi và ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con thành niên.

Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung, ông xác định không có nên không có yêu cầu gì.

Tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Đ cho rằng:

Cách nay nhiều năm (không nhớ ngày tháng năm nào) trong lúc ông và bà Nh cùng đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh thì hai người quen biết nhau và cùng thuê nhà trọ sống chung, khi có con chung được khoảng 01 – 02 tuổi thì hai cùng về quê đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre. Nhưng quá trình sống chung thường xảy ra cự cải, không tìm được tiếng nói chung nguyên nhân do bà Nh không có trách nhiệm cùng lo cho gia đình. Thời điểm đó, công việc của bà Nh làm nhân viên siêu thị, nhưng ông không biết được thu nhập của bà Nh bao nhiêu, bà Nh chỉ sử dụng vào tiêu xài cá nhân, mọi chi phí sinh hoạt trong nhà như : tiền thuê nhà, tiền ăn, uống và nhiều khoản chi phí khác … v …v … một mình ông lo hết, với mức thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng từ việc báng hàng không đảm bảo chi tiêu lo cho gia đình nên mâu thuẫn, cự cải giữa vợ chồng ngày càng nhiều, không hạnh phúc. Sự việc xảy ra nghiêm trọng nhất là khi con chung được khoảng 05 – 06 tuổi, vì không thể sống chung tiếp với bà Nh nên ông trở về quê tại ấp Bình Thạnh 3, xã Thạnh Tr, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre sinh sống đến nay. Thời điểm đó, ông và bà Nh cũng có đề nghị thống nhất ly hôn, nhưng đến nay ông mới nộp đơn khởi kiện. Khoảng thời gian ông về quê sinh sống đến nay, giữa ông với bà Nh không từng gặp nhau, không có người nào chủ động liên lạc nhau, cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ vì cả hai không còn tình cảm yêu thương nhau. Từ ngày ông nộp đơn khởi kiện và các lần Tòa án thông báo mời hòa giải, triệu tập xét xử bà Nh đều biết. Bởi vì, thông qua con chung là cháu Phạm Phương Ngh, ông có nói để con thông báo lại cho bà Nh biết việc Tòa án mời giải quyết vụ án, nhưng bà Nh cố tình không có mặt. Tuy vậy, ông kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Đối với con chung là cháu Phạm Phương Ngh, sinh ngày 04/5/2014 ông cho rằng : hiện cháu đang sinh sống cùng bà Nh và đang học lớp 4 tại Trường tiểu học Chi Lăng, đường Lý Thường Kiệt, phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do ông biết là vì tuy ông không còn sống chung bà Nh, nhưng thực tế mỗi tuần, có khi thì hai tuần vào thứ 7 hoặc chủ nhật, ông đều giữ liên lạc với con chung bằng cách gọi điện thoại thông qua ứng dụng zalo để nói chuyện và mỗi tháng ông đều chuyển khoản đóng tiền học, tiền sinh hoạt cho con bình quân bằng 3.000.000đ/tháng, số tiền này ông chuyển vào tài khoản có tên cháu Phạm Phương Ngh được mở tại Ngân hàng ACB và bà Nhg là người rút tiền để lo cho con chung, có vài lần ông nói chuyện mong muốn cháu Ngh về sinh sống cùng ông ở quê, nhưng cháu Ngh không đồng ý và có nguyện vọng mong muốn, yêu cầu được sinh sống với bà Nh như hiện nay, nên ông không yêu cầu nuôi con, đồng ý giao cho bà Nh trực tiếp nuôi theo nguyện vọng của con và tự

nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, đồng ý bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2024.

Đối với quyền, nghĩa vụ về tài sản chung: ông cho rằng quá trình sống chung vợ chồng đều làm thuê và thuê nhà trọ sống, thu nhập cơ bản chỉ đủ lo cho gia đình nên không có dư để mua sắm tài sản gì, cũng không có thiếu tiền ai hay vay hoặc mượn tiền người nào khác cả. Vì vậy ông không có yêu cầu gì về tài sản chung và nợ chung.

Ngoài ra ông Đ không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Dương Thị Hồng Nh đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng đương sự vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Con chung là cháu Phạm Phương Ngh, sinh ngày 04/5/2014 do hiện đang sinh sống chung bị đơn bà Dương Thị Hồng Nh và theo ông Đ xác nhận là cháu có ý kiến và nguyện vọng sống chung với bà Nh.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành việc có mặt theo thông báo, giấy triệu tập. Bị đơn không chấp hành tham gia phiên tòa, vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện, ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân với bà Nh, có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình sống chung được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ly thân từ năm 2018 đến nay, đương sự khẳng định không còn tình cảm, không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa: nhận thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Đ và bà Nh đã nghiêm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không hàn gắn. Do đó, ông Đ yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận; con chung là cháu Phạm Phương Ngh hiện nay đã trên 07 tuổi đang sống chung bà nhung, ông Đ không yêu cầu nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Tài sản chung và nợ chung ông Đ khai không có.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hôn nhân, đề nghị cho ông Đ ly hôn với bà Nh; Về con chung, đề nghị giao cháu Phạm Phương Ngh cho bà Nh nuôi dưỡng tiếp và ông Đ tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Tài sản chung, nợ chung không có nên đề nghị không giải quyết.

Án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng nuôi con, đề nghị nguyên đơn chịu theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bà Dương Thị Hồng Nh là vắng mặt đến lần thứ hai không lý do mà không có đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Xét việc cấp, tống đạt thông báo, quyết định, giấy triệu tập bà Nh thực hiện niêm yết theo quy định tại điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ vào Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại đơn khởi kiện, các lời trình bày của ông Đ cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng sống không hợp, thường xảy ra cự cải, mâu thuẫn không thể hàn gắn và không còn sống chung từ năm 2018 nên ông kiên quyết giữ yêu cầu ly hôn. Đối với bà Nh trước khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án có thông báo hòa giải để tạo điều kiện hàn gắn, nhưng đương sự vắng mặt và có biết việc ông Đ yêu cầu ly hôn, mà không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu phản tố. Xét hôn nhân của ông Đ với bà Nh là hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tr, huyện Bình Đ, tỉnh Bến Tre. Từ năm 2018, hai người không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mỗi người có cuộc sống, công việc riêng, hai bên không mong muốn hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định hôn nhân của hai người xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn trở về tiếp tục sống chung, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đ.

[3] Quyền, nghĩa vụ về con chung, cháu Phạm Phương Ngh sinh ngày 04/5/2014 là con chung của ông Đ và bà Nh. Xét tại thời điểm giải quyết vụ án cháu Nghi đủ 07 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đ xác định không yêu cầu nuôi con chung và cho rằng qua nhiều lần nói chuyện với cháu Ngh để thuyết phục cháu về sinh sống cùng ông, nhưng cháu Ngh không đồng ý, cháu có nguyện vọng yêu cầu được tiếp tục sinh sống cùng bà Nh. Nhận thấy, việc ông Đ không yêu cầu nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cháu Phạm Phương Ngh cho bà Nh trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là thỏa đáng, đồng thời ông Đ đồng ý tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con thành niên và có khả năng lao động và đồng ý cấp dưỡng từ tháng 5/2024.

[4] Về quyền, nghĩa vụ tài sản chung, đến thời điểm giải quyết vụ án ông Đ khai không có, bà Nh không có văn bản phản đối hoặc yêu cầu tranh chấp gì khác nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và cấp dưỡng nuôi con, theo Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 26/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Đ.

1. Hôn nhân: Cho ông Phạm Văn Đ ly hôn với bà Dương Thị Hồng Nh.

2. Quyền, nghĩa vụ đối với con chung:

Giao cháu cháu Phạm Phương Ngh, sinh ngày 04/5/2014 cho bà Dương Thị Hồng Nh trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của cháu Phạm Phương Ngh cũng yêu cầu được ở với bà Nh.

Vấn đề nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con của ông Phạm Văn Đ bằng 2.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên và có khả năng lao động, thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 5/2024.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Quyền tài sản chung: Không có, nên không giải quyết.

4. Nghĩa vụ tài sản chung: Không có, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Phạm Văn Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn 300.000 đồng và chịu án án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0000262 ngày 19/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, ông Phạm Văn Đ có nghĩa vụ nộp tiếp 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu C;
- Chi cục THADS huyện Tiểu C;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ

Kim Thị Hồng Nga